

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 7.6.2026 - TRÌNH ĐỘ HSK 5 - LE 4.15

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H52621850200000001	NGUYEN PHAN VU	男	1984-02-29	038084025002	LE 4.15	
2	H52621850200000002	LE THU HUYEN	女	1991-04-18	038191002456	LE 4.15	
3	H52621850200000003	MAI THI MAI	女	1997-02-07	038197004929	LE 4.15	
4	H52621850200000004	TRUONG TAN SANG	男	2005-08-17	038205032028	LE 4.15	
5	H52621850200000005	LE THI THAO NGUYEN	女	2003-10-19	038303016701	LE 4.15	
6	H52621850200000006	LE THI THU TRANG	女	2007-11-04	038307024920	LE 4.15	
7	H52621850200000007	LE TRINH BAO CHI	女	2008-06-26	038308001097	LE 4.15	
8	H52621850200000008	VO THI YEN	女	1993-06-20	040193035973	LE 4.15	
9	H52621850200000009	LAO THI HANH TRANG	女	2001-04-19	040301002267	LE 4.15	
10	H52621850200000010	DAU THI HAI	女	2001-02-16	040301020156	LE 4.15	
11	H52621850200000011	DOAN PHAN KHANH LINH	女	2004-04-27	040304019555	LE 4.15	
12	H52621850200000012	TRINH THI KHANH HUYEN	女	2006-07-28	040306010115	LE 4.15	
13	H52621850200000013	NGUYEN THI LE THUY	女	1994-05-28	042194001334	LE 4.15	
14	H52621850200000014	NGUYEN THI THAO NGUYEN	女	2000-09-12	042300004996	LE 4.15	
15	H52621850200000015	LE NHAT MY	女	2000-02-20	042300012846	LE 4.15	
16	H52621850200000016	HOANG THI NHU QUYNH	女	2002-06-28	042302007983	LE 4.15	
17	H52621850200000017	HOANG TRA MY	女	2004-09-18	042304002268	LE 4.15	
18	H52621850200000018	VAN THUY VY	女	2007-04-08	049307008540	LE 4.15	
19	H52621850200000019	LE THUY DUONG	女	2000-04-02	C5759455	LE 4.15	

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG

HỘI ĐỒNG THI NGÀY 7.6.2026 - TRÌNH ĐỘ HSK 5 - LE 5.17

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H52621850200000020	NGUYEN THI KIM CUC	女	2004-11-27	024304010032	LE 5.17	
2	H52621850200000021	BE CHAU GIANG	女	2004-05-12	024304010401	LE 5.17	
3	H52621850200000022	HA PHUONG CHI	女	2005-07-06	024305008462	LE 5.17	
4	H52621850200000023	HOANG THI KHANH VI	女	2006-06-15	024306003181	LE 5.17	
5	H52621850200000024	NGUYEN THAI THAO LY	女	2009-01-24	024309010557	LE 5.17	
6	H52621850200000025	NGUYEN THI CANH	女	1992-01-05	025192016005	LE 5.17	
7	H52621850200000026	NGUYEN THI PHUONG ANH	女	2002-06-01	025302010195	LE 5.17	
8	H52621850200000027	NGUYEN HOANG TIEN	男	2004-09-26	026204010279	LE 5.17	
9	H52621850200000028	BUI THI THANH YEN	女	2004-09-08	026304002906	LE 5.17	
10	H52621850200000029	NGUYEN THI PHUONG LAN	女	2004-09-01	026304007549	LE 5.17	
11	H52621850200000030	PHUNG THI HIEN	女	1994-02-25	027194006228	LE 5.17	
12	H52621850200000031	PHAM THU HA	女	1997-11-18	027197006349	LE 5.17	
13	H52621850200000032	DOAN THI NHU QUYNH	女	2004-11-24	027304000594	LE 5.17	
14	H52621850200000033	PHAM THI KHANH LINH	女	2005-10-07	027305006901	LE 5.17	
15	H52621850200000034	TRAN THI BINH	女	2003-07-17	030303001917	LE 5.17	
16	H52621850200000035	LE THI TUYET MAI	女	2003-03-18	030303008605	LE 5.17	
17	H52621850200000036	BUI THU HUONG	女	2004-03-12	030304001251	LE 5.17	
18	H52621850200000037	NGUYEN THI KHANH HUYEN	女	2004-12-26	030304002490	LE 5.17	
19	H52621850200000038	DOAN KIM NGAN	女	2006-03-13	030306016095	LE 5.17	
20	H52621850200000039	BUI THI THUY DUNG	女	1995-07-17	031195006169	LE 5.17	
21	H52621850200000040	NGUYEN THI PHUONG	女	2002-07-28	031302007757	LE 5.17	
22	H52621850200000041	NGUYEN HUONG NHI	女	2003-06-25	031303001336	LE 5.17	
23	H52621850200000042	DINH THI THU HA	女	2009-10-12	031309018120	LE 5.17	
24	H52621850200000043	TRAN THAO NGUYEN	女	2006-10-07	033306002361	LE 5.17	
25	H52621850200000044	PHAM THI XUAN	女	1979-07-02	034179001407	LE 5.17	
26	H52621850200000045	VU THI HANG	女	1998-02-12	034198010577	LE 5.17	
27	H52621850200000046	NGUYEN THI HA	女	2001-03-23	034301005446	LE 5.17	
28	H52621850200000047	VU THI THANH XUAN	女	2004-04-07	034304007629	LE 5.17	
29	H52621850200000048	NGUYEN PHUONG THAO	女	2009-09-25	034309010515	LE 5.17	
30	H52621850200000049	NGUYEN XUAN MINH	男	2001-04-23	035201000173	LE 5.17	
31	H52621850200000050	DUONG THI THU HAI	女	1991-07-26	036191020368	LE 5.17	
32	H52621850200000051	NGUYEN THU PHUONG	女	2001-06-25	036301001975	LE 5.17	
33	H52621850200000052	TRAN THU HUYEN	女	2001-09-29	036301009651	LE 5.17	
34	H52621850200000053	MAI THI NHUNG	女	2003-03-24	036303009111	LE 5.17	
35	H52621850200000054	NGUYEN THUY QUYNH	女	2005-01-13	036305017782	LE 5.17	
36	H52621850200000055	TRAN THI KHANH LINH	女	2006-07-12	036306008949	LE 5.17	
37	H52621850200000056	NGUYEN THI THU HUONG	女	2005-09-28	037305000623	LE 5.17	
38	H52621850200000057	HA KIEU HUONG	女	2008-02-29	037308007229	LE 5.17	

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 7.6.2026 - TRÌNH ĐỘ HSK 5 - LỀ 5.18

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H5262185020000058	LE THI HOAI THOM	女	2002-08-03	019302007893	LE 5.18	
2	H5262185020000059	LE THI THANH TRUC	女	2003-05-26	019303003376	LE 5.18	
3	H5262185020000060	LY THI MINH PHUONG	女	2004-08-30	019304000958	LE 5.18	
4	H5262185020000061	TRINH QUOC PHONG	男	1983-06-12	020083009671	LE 5.18	
5	H5262185020000062	MONG THI THU HANG	女	1997-11-21	020197004903	LE 5.18	
6	H5262185020000063	TRINH THI KIM DUNG	女	1998-09-23	020198000250	LE 5.18	
7	H5262185020000064	NONG THI THUY HANG	女	1998-07-22	020198007482	LE 5.18	
8	H5262185020000065	LIEU THI BICH HUE	女	2002-11-10	020302003659	LE 5.18	
9	H5262185020000066	BUI YEN VY	女	2004-05-15	020304005188	LE 5.18	
10	H5262185020000067	NONG THI HUONG LY	女	2005-02-05	020305006211	LE 5.18	
11	H5262185020000068	TRAN HOANG THUY DUONG	女	2010-10-03	020310000083	LE 5.18	
12	H5262185020000069	DOAN HA LINH	女	1992-11-30	022192003402	LE 5.18	
13	H5262185020000070	NGUYEN TO DAN	女	1995-10-17	022195008240	LE 5.18	
14	H5262185020000071	NGUYEN THI TUYET MAI	女	1998-08-23	022198007780	LE 5.18	
15	H5262185020000072	NONG THI THU THUY	女	1998-05-27	022198011578	LE 5.18	
16	H5262185020000073	LE MINH TIEN	男	2000-08-22	022200004754	LE 5.18	
17	H5262185020000074	NGUYEN VAN DUY	男	2005-08-16	022205009559	LE 5.18	
18	H5262185020000075	HUA THAI HOA	男	2009-11-03	022209010474	LE 5.18	
19	H5262185020000076	VU THI BICH NGOC	女	2000-08-22	022300000175	LE 5.18	
20	H5262185020000077	VU THI YEN	女	2000-12-27	022300003321	LE 5.18	
21	H5262185020000078	PHAM HUONG GIANG	女	2003-01-09	022303003138	LE 5.18	
22	H5262185020000079	PHAM THI MAI HOA	女	2003-12-30	022303006741	LE 5.18	
23	H5262185020000080	VU THI LIEN	女	2003-11-21	022303006844	LE 5.18	
24	H5262185020000081	VU THI THU	女	2004-01-18	022304005596	LE 5.18	
25	H5262185020000082	BUI THI THUY TRA	女	2004-05-26	022304008554	LE 5.18	
26	H5262185020000083	NGUYEN NGOC PHUONG VY	女	2009-01-01	022309003376	LE 5.18	
27	H5262185020000084	PHAM TUE MINH	女	2009-11-25	022309006565	LE 5.18	
28	H5262185020000085	TRINH VAN VIEN	男	1987-07-08	024087005128	LE 5.18	
29	H5262185020000086	NGUYEN TUAN ANH	男	2004-10-20	024204000951	LE 5.18	
30	H5262185020000087	DAM MINH BAO	男	2007-07-06	024207012832	LE 5.18	
31	H5262185020000088	VU THI HONG NHUNG	女	2000-07-23	024300006114	LE 5.18	
32	H5262185020000089	TRAN THI MINH THUY	女	2000-09-15	024300011805	LE 5.18	
33	H5262185020000090	NGUYEN THI HOA	女	2001-10-07	024301011639	LE 5.18	
34	H5262185020000091	NGUYEN QUYNH CHI	女	2002-08-31	024302000334	LE 5.18	
35	H5262185020000092	NGUYEN THI NGOC ANH	女	2002-02-15	024302011509	LE 5.18	
36	H5262185020000093	NGUYEN THI THU TRANG	女	2003-12-08	024303003739	LE 5.18	
37	H5262185020000094	NGUYEN NGOC QUYEN	女	2004-05-25	024304001960	LE 5.18	
38	H5262185020000095	HA THANH HAI	女	2004-03-25	024304004708	LE 5.18	

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 7.6.2026 - TRÌNH ĐỘ HSK 5 - LE 5.21

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H5262185020000096	LE THU HIEN	女	1984-12-11	001184036945	LE 5.21	
2	H5262185020000097	NGUYEN THI THUY LINH	女	1996-11-03	001196005381	LE 5.21	
3	H5262185020000098	PHAM NGOC THANG	男	2002-04-19	001202013709	LE 5.21	
4	H5262185020000099	NGUYEN VAN TRUONG	男	2004-11-13	001204038850	LE 5.21	
5	H5262185020000100	LE DUC ANH	男	2009-05-25	001209035756	LE 5.21	
6	H5262185020000101	NGUYEN HOAI ANH	女	2000-07-28	001300014576	LE 5.21	
7	H5262185020000102	VU THU TRA	女	2004-08-03	001304003203	LE 5.21	
8	H5262185020000103	PHAM THUC VI	女	2004-08-27	001304004054	LE 5.21	
9	H5262185020000104	NGUYEN MAI PHUONG	女	2004-01-07	001304050326	LE 5.21	
10	H5262185020000105	TRAN THI THU HUYEN	女	2005-12-25	001305022951	LE 5.21	
11	H5262185020000106	PHUNG THI THU NGAN	女	2008-04-13	001308014408	LE 5.21	
12	H5262185020000107	NGUYEN DIEP MY	女	2009-12-02	001309028176	LE 5.21	
13	H5262185020000108	NGUYEN NGOC BAO ANH	女	2009-03-31	001309053385	LE 5.21	
14	H5262185020000109	BUI BAO NGOC	女	2009-12-30	001309057081	LE 5.21	
15	H5262185020000110	VUONG THI THANH THAO	女	2004-07-29	002304001065	LE 5.21	
16	H5262185020000111	HOANG NGOC HANH	男	2003-10-10	004203001111	LE 5.21	
17	H5262185020000112	MA THI HONG TRUC	女	2002-01-09	004302004077	LE 5.21	
18	H5262185020000113	LUONG DUONG VAN ANH	女	2004-09-04	004304001650	LE 5.21	
19	H5262185020000114	NONG THI ANH TUYET	女	2003-11-04	006303003199	LE 5.21	
20	H5262185020000115	LUONG THI TRA MI	女	2002-08-24	008302000207	LE 5.21	
21	H5262185020000116	HOANG THANH TRUC	女	2003-07-05	008303004139	LE 5.21	
22	H5262185020000117	LE KIEU HUONG LAM	女	2008-11-09	008308002962	LE 5.21	
23	H5262185020000118	NGUYEN CONG MINH	男	2002-12-12	010202005228	LE 5.21	
24	H5262185020000119	NGUYEN HOANG GIAP	男	2004-10-20	010204001834	LE 5.21	
25	H5262185020000120	DOAN VAN HIEU	男	2007-08-08	010207005571	LE 5.21	
26	H5262185020000121	NGUYEN THI PHUONG	女	2004-01-14	010304001088	LE 5.21	
27	H5262185020000122	DANG THI PHUONG	女	2004-08-25	010304003343	LE 5.21	
28	H5262185020000123	HOANG THUY LINH	女	2004-08-03	010304007965	LE 5.21	
29	H5262185020000124	TAN LINH THU	女	2002-12-28	011302007860	LE 5.21	
30	H5262185020000125	DO LE HAI YEN	女	2004-12-27	015304000587	LE 5.21	
31	H5262185020000126	TRAN NGOC GIA LINH	女	2009-11-03	015309003491	LE 5.21	
32	H5262185020000127	DINH THI THU HA	女	2000-03-04	017300004640	LE 5.21	
33	H5262185020000128	DINH HONG NGOC	女	2002-09-08	017302000243	LE 5.21	
34	H5262185020000129	PHAM THU HUYEN	女	2008-08-22	017308007706	LE 5.21	
35	H5262185020000130	MONG THI TRANG	女	1998-06-18	019198008390	LE 5.21	
36	H5262185020000131	DANG QUYNH TRANG	女	1999-10-26	019199003580	LE 5.21	
37	H5262185020000132	PHAN THI DIEU ANH	女	2001-05-14	019301002536	LE 5.21	
38	H5262185020000133	TONG THI NGOC ANH	女	2001-07-10	019301006533	LE 5.21	